

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲ HỢP
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **76/2021/HS-ST**

Ngày: 24/11/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ HỢP - TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Đông.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Lê Minh Tường.

2/ Ông Nguyễn Đình Khởi.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Kim Thị Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Hào – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 71/2021/TLST – HS ngày 19 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vi Văn H**, tên gọi khác: Không.

Sinh năm 1994 tại huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Nơi cư trú: Bản H, xã CĐ, huyện Q, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 7/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vi Văn N (đã chết) và bà: Vi Thị L (đã chết); Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 06/12/2020 bị Công an xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An, ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền, số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) về hành vi “Trộm cắp tài sản”; Nhân thân: Ngày 19/9/2016 bị TAND huyện Q, tỉnh Nghệ An, ra quyết định số 06/2016/QĐ-TA, ngày 19/9/2016 về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, với thời hạn là 02 năm (chấp hành xong ngày 22/9/2018); Bị bắt tạm giam từ ngày 16/9/2021 đến nay. (Có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Nguyễn Thái Q** – Trợ giúp viên pháp lý, công tác tại Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 2 thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nghệ An. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị hại: Bà **Lữ Thị T**, sinh năm: 1969.

Nơi cư trú: Bản H, xã CĐ, huyện Q, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh **Quán Vi A**, sinh năm: 1983.

Nơi cư trú: Xóm Đ, xã CQ, huyện Q, tỉnh Nghệ An. (Có mặt)

- *Người làm chứng:* Anh **Ngân Văn H1**, sinh năm: 1988.
Nơi cư trú: Xóm Đ, xã CT, huyện Q, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vi Văn H là đối tượng nghiện chất ma túy, năm 2016 bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, chấp hành xong thời gian cai nghiện H trở về địa phương, ngày 04/11/2020 có hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động trị giá 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) bị người dân bắt quả tang giao cho Công an xã CĐ, huyện Q, tỉnh Nghệ An xử lý, Công an xã CĐ đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) theo quyết định số 18 ngày 06/12/2020 đối với hành vi trộm cắp điện thoại của Vi Văn H.

Ngày 11/8/2021 Vi Văn H tiếp tục có hành vi trộm cắp tài sản như sau: Khoảng 08 giờ 00 phút Vi Văn H đi bộ từ nhà của mình đến bản Đ, xã CĐ, huyện Q, tỉnh Nghệ An, khi đi qua nhà bà Lữ Thị T, quan sát thấy không có người ở nhà nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, H đi vào trong sân, nhìn thấy phía dưới dulong gỗ để ngoài sân có 01 chiếc máy cắt cỏ nhãn hiệu SHINDAIWA, model S26B, hộp máy màu xanh, H đã lấy máy cắt cỏ đem đi cất giấu tại khu vực ruộng mía thuộc bản Đ, xã CĐ, sau đó đi bộ ra thị trấn Q, tại thị trấn gặp anh Ngân Văn H1 là bạn quen biết từ trước, thấy anh H1 đi xe máy nên H nhờ chở mình đến khu vực cầu tràn giáp ranh giữa thị trấn Q và xã CĐ đợi mình, còn H đi lấy máy cắt cỏ cất giấu tại ruộng mía trước đó và tiếp tục nhờ anh H1 chở lên xóm Đ, xã CQ. Trong lúc ngồi uống nước mía tại cổng chào xóm Đ, xã CQ, H nói với anh Quán Vi A chủ quán, máy cắt cỏ là của mình đem đi sửa nhưng không sửa được, nay muốn bán lại, sau khi thỏa thuận anh Quán Vi A đồng ý mua với số tiền 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng), số tiền bán máy H sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Sau khi biết thông tin máy cắt cỏ mình mua là tài sản do H trộm cắp mà có, anh Quán Vi A đã tự nguyện giao nộp lại và có đơn yêu cầu H hoàn trả lại số tiền đã mua máy.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 55/KL-HĐĐG, ngày 31/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của UBND huyện Quỳnh Hợp kết luận: “Định giá 01 chiếc máy cắt cỏ nhãn hiệu SHINDAIWA, model S26B, màu xanh, kích thước cả máy dài 1,8m, lưỡi cắt của máy bằng kim loại màu đen, không có bảo hiểm phần lưỡi cắt, máy đã qua sử dụng. Hiện máy đang còn hoạt động và sử dụng cắt cỏ bình thường là 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng chẵn).”

Bản cáo trạng số: 75/CT-VKSQH, ngày 18/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An, truy tố bị cáo Vi Văn H về tội “ Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp giữ quyền công tố tại phiên tòa luận tội và tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vi Văn H từ 06 đến 09 tháng tù.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, miễn tiền án phí sơ thẩm cho bị cáo theo quy định và đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng: Máy cắt cỏ đã được cơ quan điều tra Công an trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp trong giai đoạn điều tra, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét thêm.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không có yêu cầu bồi thường nên đề nghị không xem xét; Áp dụng các Điều 584, 585 và 586 Bộ luật dân sự buộc bị cáo bồi thường số tiền 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) cho anh Quán Vi A.

Nội dung bài bào chữa của người bào chữa cho bị cáo: Về tội danh và điều luật áp dụng truy tố đối với bị cáo không có ý kiến đề nghị gì, chỉ mong Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, bản thân bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng khó khăn, có trình độ hiểu biết về pháp luật thấp, hoàn cảnh gia đình khó khăn thuộc hộ nghèo, mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra có thái độ khai báo thành khẩn ăn năn hối cải. Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 3 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự, để xem xét xử phạt bị cáo từ 04 đến 06 tháng tù và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là hợp tình, hợp lý.

Tại phần tranh luận bị cáo không có ý kiến bổ sung đối với nội dung bài bào chữa, không có ý kiến tranh luận gì thêm. Nói lời nói sau cùng tại phiên tòa, bị cáo nhận tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Hợp, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội: Căn cứ đơn trình báo của người bị hại; Biên bản giao, nhận vật chứng; Biên bản vi phạm hành chính, quyết định xử phạt hành chính; Biên bản mở niêm phong, kiểm tra đồ vật, tài liệu bị tạm giữ và

kết luận định giá tài sản; Bản tự khai, lời khai và sơ đồ tự vẽ của bị cáo, lời khai của người bị hại và người làm chứng tại cơ quan điều tra, cùng các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa, có đủ căn cứ xác định.

Vào khoảng 08 giờ 00 phút, ngày 11/8/2021 tại nhà bà Lữ Thị T, ở bản Đ, xã CĐ, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Bị cáo Vi Văn H đã có hành vi trộm cắp 01 (một) máy cắt cỏ nhãn hiệu SHINDAIWA, model S26B, màu xanh, kích thước cả máy dài 1,8m, lưỡi cắt của máy bằng kim loại màu đen, không có bảo hiểm phần lưỡi cắt, máy đã qua sử dụng, trị giá tài sản bị cáo trộm cắp theo bản kết luận định giá tài sản là 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng). Tuy trị giá tài sản bị cáo trộm cắp chưa đến 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), nhưng trước đó vào ngày 06/12/2020 bị cáo đã bị Công an xã CĐ, huyện Q, tỉnh Nghệ An, xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền, về hành vi chiếm đoạt tài sản là “Trộm cắp tài sản” chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính lại tiếp tục vi phạm, do đó đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, theo như truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của bị cáo xâm phạm nghiêm trọng đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, an ninh xã hội trên địa bàn, gây tâm lý lo lắng hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bản thân bị cáo có tiền sự về hành vi trộm cắp và nhân thân xấu, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, tự mình nhận thức được hành vi trộm cắp là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện, nên cần buộc bị cáo chịu mức án tương xứng với mức độ, hành vi, hậu quả do mình gây ra, nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân tốt, sống có ích cho xã hội và răn đe giáo dục phòng ngừa chung.

Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa, có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đó là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Anh Ngân Văn H1 là người được bị cáo nhờ chở đi lấy máy cắt cỏ đưa lên xóm Đ, xã CQ bán, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa cho thấy, anh H1 hoàn toàn không biết máy cắt cỏ bị cáo đem đi bán là do trộm cắp mà có, nên không xem xét xử lý trách nhiệm đối với anh H1.

Anh Quán Vi A là người mua máy cắt cỏ với bị cáo, lúc thỏa thuận mua bán anh Quán Vi A không biết tài sản đó là do bị cáo trộm cắp mà có, nên không xem xét xử lý trách nhiệm đối với anh Quán Vi A.

[5] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, bị cáo là lao động tự do, không có công việc, nghề nghiệp và thu nhập ổn định, gia đình thuộc hộ nghèo, không có tài sản đảm bảo thi hành án, nên Hội đồng xét xử không xem xét áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng: Trong quá trình điều tra, máy cắt cỏ đã được cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Hợp ra quyết định trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Lữ Thị T, việc trả lại tài sản là đúng quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét thêm.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xác định giao dịch mua bán máy cắt cỏ giữa bị cáo và anh Quán Vi A là giao dịch dân sự vô hiệu, máy cắt cỏ đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu. Nay anh Quán Vi A yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền mua máy cắt cỏ là 400.000 đồng, do đó cần áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự để buộc bị cáo hoàn trả lại số tiền nêu trên cho anh Quán Vi A.

[8] Về án phí: Bị cáo thuộc trường hợp hộ nghèo có giấy xác nhận hộ nghèo của UBND xã CĐ và có đơn xin được miễn tiền án phí, do đó cần xem xét miễn tiền án phí dân sự và hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Vi Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Vi Văn H **09** (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 16/9/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào các Điều 117; 122; 127 và 131 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Vi Văn H hoàn trả lại số tiền 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) cho anh Quán Vi A.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn nộp tiền án phí hình sự và dân sự sơ thẩm cho bị cáo Vi Văn H.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vắng mặt người bị hại.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về phần trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Quỳnh hợp;
- Cơ quan điều tra CA huyện Quỳnh hợp;
- THADS huyện Quỳnh Hợp;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An;
- UBND xã CD, huyện Q, NA;
- Bị cáo, bị hại, NCQLNVLQ;
- Người bào chữa;
- lưu HS, VP;

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hà Văn Đông